

Bản án số: 145/2025/DS-ST
Ngày: 24-4-2025
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Riêng
2. Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2025. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần SAWAD -Tiền Có N

Địa chỉ: 128 Nguyễn D, phường Bến T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Phương T– Chức vụ: Nhân viên (có mặt)

Địa chỉ: 37 Nguyễn T, phường 4, thành phố Vị T, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Mộng T, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Chín Ghì, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Sawad Tiền Có N trình bày: Vào ngày 25 tháng 01 năm 2024, chị Đoàn Mộng T có ký hợp đồng cầm cố số NRM240101016NA23X với phía công ty, chị T đã cầm cố tài sản là 01 xe máy BS 68KA-099.80, loại xe HONDA Vision F1, màu xanh đen, số khung RLHJK304PY048736, số máy JK03E0762176 với số tiền là 28.134.000 đồng, thời hạn cầm cố là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng. Sau khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, phía Công ty Sawad Tiền Có N đã cho chị T mượn lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại, có làm giấy mượn xe. Tuy nhiên kể từ thời điểm cầm

cổ tài sản đến nay, chị T chỉ trả cho phía Công ty được khoản tiền là 2.125.000 đồng vào kỳ trả đầu tiên (gồm: tiền gốc là 971.506 đồng, tiền lãi trong hạn là 309.474 đồng, phí quản lý hồ sơ là 140.670 đồng, phí hao mòn tài sản là 703.350 đồng) và sau đó thì không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận. Phía Công ty Sawad Tiền Có N đã liên hệ qua điện thoại chị T nhiều lần nhưng không liên lạc được và đã đến địa phương nơi cư trú của chị T để nhắc nhở nhưng chị T đã không còn cư trú tại địa chỉ mà chị T đã cung cấp trong hợp đồng và không thông báo cho phía Công ty được biết hiện chị T đi đâu làm gì. Xét thấy chị T đã vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Sawad Tiền Có N, nên Công ty khởi kiện yêu cầu chị T thanh toán số tiền gốc mà chị T đã cầm cố tài sản còn nợ là 27.162.494 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/4/2025 là 5.987.433 đồng cộng với khoản tiền phí quản lý hồ sơ là 1.901.424 đồng. Ngoài ra, chị T còn phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2025) theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho phía Công ty Sawad Tiền Có N.

Ngoài ra, phía Công ty Sawad Tiền Có N còn yêu cầu chị T phải giao trả lại 01 xe máy BS 68KA-099.80, loại xe HONDA Vision F1, màu xanh đen, số khung RLHJK304PY048736, số máy JK03E0762176 đã cầm cố cho Công ty và Công ty đã cho chị T mượn lại để làm phương tiện đi lại để phía Công ty xử lý tài sản khi chị T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Tuy nhiên, tại phiên Tòa phía người đại diện của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, phía Công ty chỉ xác định yêu cầu chị T trả khoản tiền cầm cố tài sản đã nhận còn lại là 27.162.494 đồng, tiền lãi phát sinh 5.987.433 đồng và khoản phí quản lý hồ sơ 1.901.424 đồng. Ngoài ra, chị T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho phía Công ty Sawad Tiền Có N.

Bị đơn chị Đoàn Mộng T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đối với vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty Sawad Tiền Có N rút lại yêu cầu buộc chị Đoàn Mộng T phải trả lại cho Công ty Sawad Tiền Có N chiếc xe máy đã cầm cố BS 68KA-099.80, loại xe HONDA Vision F1, màu xanh đen, số khung RLHJK304PY048736, số máy JK03E0762176 mà phía Công ty đã cho chị T mượn lại để sử dụng, nếu không thanh toán được nợ để Công ty phát mãi thu hồi nợ. Việc rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của Công ty Sawad Tiền Có N về việc buộc chị T trả khoản tiền gốc đã nhận từ hợp đồng cầm cố tài sản còn nợ lại, lãi phát sinh và khoản phí quản lý hồ sơ từ hợp đồng cầm cố được các bên thỏa thuận ký kết, tổng cộng là 35.051.351 đồng tạm tính đến ngày xét xử và khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố tài sản mà các bên đã thỏa thuận ký kết sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ; Phía chị T không có ý kiến phản hồi, tuy nhiên hợp đồng đã được các bên ký kết hợp pháp nên các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận ký kết tại hợp đồng, thời điểm ký kết chị T đã cung cấp đúng địa chỉ cư trú nhưng hiện tại rời khỏi địa phương mà không thông báo cho phía Công ty Sawad Tiền Có N biết địa chỉ cư trú mới nên có căn cứ cho rằng chị T cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 11; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện này của Công ty Sawad Tiền Có N đối với chị Đoàn Mộng T.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N khởi kiện chị Đoàn Mộng T về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng đã ký kết nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị Đoàn Mộng T có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Chị Đoàn Mộng T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng chị T đã vắng mặt tại nơi cư trú. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, chị T đã cung cấp địa chỉ cụ thể cho phía Công ty Sawad Tiền Có N nhưng sau khi rời khỏi địa phương, chị T không thông báo địa chỉ mới cho phía Công ty Sawad Tiền Có N biết để liên hệ nên đây được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Do đó Công ty Sawad Tiền Có N đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và Tòa án tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng trên theo quy định của pháp luật và tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Đoàn Mộng T về việc buộc chị T phải trả lại cho Công ty chiếc xe máy đã cầm cố BS 68KA-099.80, loại xe HONDA Vision F1, màu xanh đen, số khung RLHJK304PY048736, số máy JK03E0762176 đã cho chị T mượn lại nếu không thanh toán được nợ để Công ty phát mãi thu hồi nợ. Việc rút lại yêu cầu này của Công ty Sawad Tiền Có N là hoàn toàn tự nguyện xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N về việc buộc chị T giao trả số tiền cầm cố tài sản đã nhận và nợ lãi phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản đã được các bên thỏa thuận ký kết số NRM240101016NA23X tạm tính đến ngày xét xử là 35.051.351 đồng gồm nợ gốc là 27.162.494 đồng, nợ lãi phát sinh trong hạn là 4.183.134 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 1.804.299 đồng. Ngoài ra, chị T còn phải trả cho Công ty Sawad Tiền Có N khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng số NRM240101016NA23X đã được các bên thỏa thuận cho đến khi chị T thanh toán xong các khoản nợ trên. Mặt khác, phía Công ty Sawad Tiền Có N còn yêu cầu chị T phải trả khoản phí quản lý hồ sơ đã được thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết với số tiền là 1.901.424 đồng.

Để chứng minh cho các yêu cầu khởi kiện trên, phía Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N đã cung cấp các tài liệu chứng cứ: Hợp đồng cầm cố số NRM240101016NA23X ký kết ngày 25/01/2024, phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, phiếu đăng ký cầm cố xe máy, bản kê chi tiết tính lãi phải trả và đã trả. Tính đến ngày hết hạn của hợp đồng, chị T đã vi phạm nghĩa vụ của chị đối với Công ty Sawad Tiền Có N. Phía Công ty Sawad Tiền Có N cho rằng cũng đã thông báo nhắc nhở cho chị T biết qua số điện thoại của chị T đã cung cấp và yêu cầu chị T thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cầm cố tài sản theo thỏa thuận nhưng phía Công ty sau đó không liên lạc được và đã đến địa chỉ do chị T cung cấp để làm việc nhưng chị T không có mặt tại nơi cư trú, đã rời khỏi địa phương nơi cư trú mà không thông báo cho Công ty biết về nơi cư trú mới nên đối với việc vắng mặt trên của chị T là cố tình giấu địa chỉ. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến ngày mở phiên Tòa xét xử, chị T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị T không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N cũng như chứng cứ do công ty cung cấp nên xem như chị T đã mặc nhiên thừa nhận.

[2.3] Xét thấy hợp đồng cầm cố tài sản được ký kết ngày 25/01/2024 giữa các bên trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc thỏa thuận các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng cầm cố tài sản trên được xem là hợp pháp. Theo các tài liệu chứng cứ phía Công ty Sawad Tiền Có N cung cấp thể hiện khoản tiền gốc mà chị T đã nhận 28.134.000 đồng. Tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết thể hiện phương thức thanh toán lãi phát sinh nhưng phía chị T đã vi phạm nghĩa vụ sau thời điểm giải ngân số tiền gốc trên. Do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía Công ty Sawad Tiền Có N yêu cầu chị T trả số nợ gốc còn nợ là 27.162.494 đồng, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/4/2025 sau khi căn trừ vào khoản tiền gốc 971.506 đồng và lãi phát sinh đã trả là 309.474 đồng còn phải trả lãi là 5.987.433 đồng và khoản tiền phí quản lý hồ sơ là 1.901.424 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản

4 Điều 11; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện trên của Công ty Sawad Tiền Có N.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản số NRM240101016NA23X ký kết ngày 25/01/2024.

[3] Về án phí; Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của Công ty Sawad Tiền Có N được chấp nhận nên buộc chị Đoàn Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 35.051.351 đồng x 5% = 1.752.567 đồng, làm tròn 1.753.000 đồng

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 895.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008881 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N đối với chị Đoàn Mộng T.

Buộc chị Đoàn Mộng T giao trả khoản tiền cầm cố tài sản đã nhận gồm vốn gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử (ngày 24/4/2025) là 35.051.351 đồng (ba mươi lăm triệu, không trăm năm mươi một nghìn, ba trăm năm mươi một đồng); Trong đó: vốn gốc là 27.162.494 đồng (hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng), tiền lãi phát sinh là 5.987.433 đồng (năm triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng) và khoản phí quản lý hồ sơ là 1.901.424 đồng (một triệu, chín trăm lẻ một nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/4/2025), chị Đoàn Mộng T còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản NRM240101016NA23X ký kết ngày 25 tháng 01 năm 2024.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N về việc buộc chị Đoàn Mộng T giao lại chiếc xe máy đã cầm cố do Công ty Sawad Tiền Có N rút lại yêu cầu khởi kiện này.

3. Về án phí:

Buộc chi Đoàn Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.753.000 đồng (một triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng)

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 895.000 đồng (tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008881 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày; Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/4/2025); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương